

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM
TRUNG ƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 431/QĐ-CĐSP-TW-CTSV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ II năm học 2025 – 2026
Đối với sinh viên khóa 2023 – 2026 hình thức đào tạo chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 43/QĐ ngày 25/9/1976 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục về việc thành lập Trường Sư phạm Mẫu giáo Trung ương số 3; Căn cứ Quyết định số 2064/QĐ-BGDĐT ngày 25/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đổi tên Trường Cao đẳng Sư phạm Mẫu giáo Trung ương 3 thành Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 23/2022/TT-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường cao đẳng sư phạm;

Căn cứ Quyết định số 286/QĐ-CĐSP-TW-CTSV ngày 24/4/2024 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định công tác sinh viên tại Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 260/QĐ-CĐSP-TW-CTSV ngày 16/4/2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định thực hiện chính sách học bổng khuyến khích học tập, trợ cấp xã hội và miễn, giảm học phí đối với sinh viên - Hệ chính quy trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 927/QĐ-CĐSP-TW-CTSV ngày 21/11/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh về định mức học bổng theo xếp loại năm học 2025 – 2026 hình thức đào tạo chính quy;

Căn cứ Quyết định số 429/QĐ-CĐSP-TW-CTSV ngày 06/07/2026 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh về việc công nhận kết quả rèn luyện đối với sinh viên khóa 2023 – 2026, học kỳ II năm học 2025 – 2026, hình thức đào tạo chính quy;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác Chính trị - Học sinh Sinh viên.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp học bổng khuyến khích học tập đối với sinh viên khóa 2023 – 2026 học kỳ II năm học 2025 – 2026, hình thức đào tạo chính quy, như sau:

Mức học bổng Xuất sắc : 21 sinh viên

Thuộc ngành Giáo dục Mầm non (*danh sách đính kèm*).

Điều 2. Học bổng khuyến khích học tập được cấp 05 tháng một lần theo định mức

Mức học bổng Xuất sắc : 1.904.000đ/ tháng

Mức học bổng Giỏi : 1.632.000đ/ tháng

Mức học bổng Khá : 1.360.000đ/ tháng

Điều 3. Phòng Công tác Chính trị - Học sinh Sinh viên, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Ban chủ nhiệm Khoa Giáo dục Mầm non và sinh viên có tên ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

mm
Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, CTSV.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Nguyên Bình



**DANH SÁCH HỌC BỔNG KHÍCH HỌC TẬP HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2025 - 2026
ĐỐI VỚI SINH VIÊN KHÓA 2023 - 2026 HÌNH THỨC ĐÀO TẠO CHÍNH QUY**

(Kèm theo quyết định số: *431/QĐ-CDSPTW-CTSV* ngày *06* tháng *7* năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh)

| TT | LỚP | MSSV | HỌ VÀ TÊN | HỌC TẬP | | RÈN LUYỆN | | ĐỦ ĐIỀU KIỆN | ĐỊNH MỨC | SỐ THÁNG | SỐ TIỀN |
|----|--------|-----------|-----------------------|---------|----------|-----------|----------|--------------|-----------|----------|-----------|
| | | | | ĐIỂM | KẾP LOẠI | ĐIỂM | KẾP LOẠI | XÉT HỌC BỔNG | | | |
| 1 | K36M01 | 501230277 | Lê Ngọc Trâm | 4 | Xuất sắc | 98 | Xuất sắc | Xuất sắc | 1.904.000 | 5 | 9.520.000 |
| 2 | K36M01 | 501230007 | Lê Thị Lan Anh | 4 | Xuất sắc | 97 | Xuất sắc | Xuất sắc | 1.904.000 | 5 | 9.520.000 |
| 3 | K36M01 | 501230061 | Phạm Thị Huệ | 4 | Xuất sắc | 97 | Xuất sắc | Xuất sắc | 1.904.000 | 5 | 9.520.000 |
| 4 | K36M01 | 501230145 | Nguyễn Thị Ngọc Ngoàn | 4 | Xuất sắc | 97 | Xuất sắc | Xuất sắc | 1.904.000 | 5 | 9.520.000 |
| 5 | K36M02 | 501230218 | Nguyễn Ngọc Vân Thanh | 4 | Xuất sắc | 100 | Xuất sắc | Xuất sắc | 1.904.000 | 5 | 9.520.000 |
| 6 | K36M02 | 501230182 | Nguyễn Hồng Nhung | 4 | Xuất sắc | 100 | Xuất sắc | Xuất sắc | 1.904.000 | 5 | 9.520.000 |
| 7 | K36M03 | 501230122 | Nguyễn Thị Nga | 4 | Xuất sắc | 100 | Xuất sắc | Xuất sắc | 1.904.000 | 5 | 9.520.000 |
| 8 | K36M03 | 501230219 | Huỳnh Thị Ngọc Thanh | 4 | Xuất sắc | 100 | Xuất sắc | Xuất sắc | 1.904.000 | 5 | 9.520.000 |
| 9 | K36M03 | 501220554 | Nguyễn Thị Ngọc Thùy | 4 | Xuất sắc | 97 | Xuất sắc | Xuất sắc | 1.904.000 | 5 | 9.520.000 |
| 10 | K36M03 | 501230195 | Ngô Thị Kim Quy | 4 | Xuất sắc | 97 | Xuất sắc | Xuất sắc | 1.904.000 | 5 | 9.520.000 |
| 11 | K36M04 | 501230208 | Trần Thanh Soan | 4 | Xuất sắc | 100 | Xuất sắc | Xuất sắc | 1.904.000 | 5 | 9.520.000 |
| 12 | K36M04 | 501230310 | Trần Thị Bích Tuyên | 4 | Xuất sắc | 97 | Xuất sắc | Xuất sắc | 1.904.000 | 5 | 9.520.000 |
| 13 | K36M05 | 501230041 | Nguyễn Đào Gia Hân | 4 | Xuất sắc | 100 | Xuất sắc | Xuất sắc | 1.904.000 | 5 | 9.520.000 |
| 14 | K36M05 | 501230071 | Lê Thị Thu Hường | 4 | Xuất sắc | 100 | Xuất sắc | Xuất sắc | 1.904.000 | 5 | 9.520.000 |
| 15 | K36M05 | 501230149 | Phạm Bích Ngọc | 4 | Xuất sắc | 100 | Xuất sắc | Xuất sắc | 1.904.000 | 5 | 9.520.000 |
| 16 | K36M05 | 501230119 | Nguyễn Ngọc My Na | 4 | Xuất sắc | 98 | Xuất sắc | Xuất sắc | 1.904.000 | 5 | 9.520.000 |
| 17 | K36M05 | 501230161 | Cao Thị Yên Nhi | 4 | Xuất sắc | 97 | Xuất sắc | Xuất sắc | 1.904.000 | 5 | 9.520.000 |

| TT | LỚP | MSSV | HỌ VÀ TÊN | HỌC TẬP | | RÈN LUYỆN | | ĐỦ ĐIỀU KIỆN | ĐỊNH MỨC | SỐ THÁNG | SỐ TIỀN |
|---|--------|-----------|----------------------|---------|----------|-----------|----------|--------------|-----------|----------|--------------------|
| | | | | ĐIỂM | KÉP LOẠI | ĐIỂM | KÉP LOẠI | XÉT HỌC BỔNG | | | |
| 18 | K36M06 | 501230048 | Nguyễn Thị Diệu Hiền | 4 | Xuất sắc | 100 | Xuất sắc | Xuất sắc | 1.904.000 | 5 | 9.520.000 |
| 19 | K36M06 | 501230144 | Đỗ Thị Ánh Nghĩa | 4 | Xuất sắc | 100 | Xuất sắc | Xuất sắc | 1.904.000 | 5 | 9.520.000 |
| 20 | K36M06 | 501230180 | Đàm Hồng Nhung | 4 | Xuất sắc | 100 | Xuất sắc | Xuất sắc | 1.904.000 | 5 | 9.520.000 |
| 21 | K36M06 | 501230018 | Nguyễn Thị Ngọc Diễm | 4 | Xuất sắc | 98 | Xuất sắc | Xuất sắc | 1.904.000 | 5 | 9.520.000 |
| TỔNG: | | | | | | | | | | | 199.920.000 |
| Bảng chữ: Một trăm chín mươi chín triệu, chín trăm hai mươi ngàn đồng./. | | | | | | | | | | | |

**BẢNG PHÂN BỐ QUỸ HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2025 - 2026
ĐỐI VỚI SINH VIÊN KHÓA 2023 - 2026 HÌNH THỨC ĐÀO TẠO CHÍNH QUY**

| STT | TỔNG SỐ SV | QUỸ HỌC BỔNG | QUỸ TÒN/NỢ KỲ TRƯỚC | TỔNG QUỸ HỌC BỔNG | TỔNG THỰC CHI | QUỸ TÒN/NỢ | SỐ SV ĐỦ ĐIỀU KIỆN NHẬN HỌC BỔNG | | | THỰC LÃNH | | | PHÂN THƯỜNG KẾ SV THUỘC ĐỐI TƯỢNG TCXH | | |
|-------------|------------|--------------------|---------------------|--------------------|--------------------|------------|----------------------------------|------------|-----------|-----------|---|---|--|----------|---|
| | | | | | | | Năm 3 | | | Năm 3 | | | Năm 3 | | |
| | | | | | | | XS | G | K | XS | G | K | XS | G | K |
| 1 | 299 | 233,296,498 | -2,368,498 | 230,928,000 | 230,928,000 | 0 | 133 | 118 | 37 | 21 | | | 1 | 3 | |
| TỔNG | 299 | 233,296,498 | -2,368,498 | 230,928,000 | 230,928,000 | 0 | 133 | 118 | 37 | 21 | | | 1 | 3 | |

Ghi Chú : Quỹ học bổng HKII năm học 2025- 2026 như sau:

- Hệ sư phạm: 1.142.272.000đ/ HK (Một tỷ một trăm bốn mươi hai ngàn, hai trăm bảy mươi hai đồng).
- Quỹ học bổng = Số số SV theo ngành hệ sư phạm x 620.800đ
- Học bổng: Xuất sắc: 9.520.000đ/HK, Giỏi: 8.160.000đ/HK, Khá: 6.800.000đ/HK

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026